

Bản án số: 186/2017/HS-ST

Ngày: 14-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng
2. Ông Nguyễn Như Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại nhà Văn hóa Khu phố 5, Lô N, cư xá Ngân hàng, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/HSST-QĐ ngày 23/11/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn P; Tên gọi khác: /; sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bị cáo không đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: N.T.H, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; họ và tên cha: Lê Thành T1; họ và tên mẹ: Phạm Thị O; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 09/6/2008, Phạm Văn P bị đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 276/QĐ-UB-NC ngày 22/5/2008 của Chủ tịch UBND Quận B, Tp. HCM; Bản án số 148/2013/HSST ngày 09/12/2013 của của Tòa án nhân dân Quận B, Tp. HCM xử phạt Phạm Văn P 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 30/2014/HSST ngày 12/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận B, Tp. HCM xử phạt Phạm Văn P 01 (một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án số 148/2013/HSST ngày 09/12/2013 của của Tòa án nhân dân Quận B thì bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 09 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 04/02/2015. Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 12/7/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn T2; trú tại: H.V.G, Phường C, huyện D, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần Nhất T3; trú tại: N.V.T, Phường C, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)
2. Bà Trần Thị Ngọc D; trú tại: Đ.V.B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 12/7/2017, Phạm Văn P điều khiển xe máy, biển số 49S5 - 9172 lưu thông trên đường E hướng về Quận B. Khi đến trước địa chỉ nhà: đường E, phường F, Quận 7, P nhìn thấy nhà đang sửa chữa, cửa không khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. P để xe ở bên ngoài, đi bộ vào nhà thì thấy anh Trương Quốc K và anh Nguyễn Văn T2 đang ngủ, trong túi quần bên trái của anh T2 có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng. P lén lút lấy trộm điện thoại rồi đi ra ngoài. Khi P định tẩu thoát thì bị anh T2, anh K phát hiện, truy hô. P vứt điện thoại lại tại nơi để xe máy, bỏ chạy bộ được một đoạn thì bị quần chúng bắt giữ, giao Công an phường F, Quận 7 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Theo Kết luận định giá tài sản số 210/KL-HĐĐGTTTHS ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7, kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, tính đến thời điểm bị xâm phạm, có giá trị là: 5.500.000 đồng (năm triệu, năm trăm ngàn đồng).”

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Văn T2.

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Wave, biển số 49S5 - 9172, số khung: NF110MT0004804, số máy: NF110MTE0004804. Qua xác minh, xe trên do ông Trần Nhất T3 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tháng 4/2004, ông T3 bán xe cho bà Trần Thị Ngọc D, chưa làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên theo quy định. Ngày 11/7/2017, Phạm Văn P tự ý lấy xe của bà D sử dụng. Việc P sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản, bà D không biết.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Văn T2 đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, không có yêu cầu bồi thường.

Bản Cáo trạng số 197/CTr-VKS ngày 27/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Phạm Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận do thấy cửa nhà không khóa, anh T2 ngủ và để chiếc điện thoại thò ra khỏi túi quần nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo đã lấy được chiếc điện thoại của anh T2, khi đi ra khỏi cửa thì bị phát hiện và bắt giữ; trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều

138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đối với chiếc xe gắn máy đề nghị trả lại cho bà D.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đương sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, theo Kết luận định giá tài sản số 26/KL- HĐĐGTTHS ngày 11/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 7, tại thời điểm chiếm đoạt chiếc điện thoại trị giá là: 5.500.000 đồng. Do đó, đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản sở hữu hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội vì vậy xét cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và ngăn ngừa chung trong xã hội. Song xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại;. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về xác định tiền án của bị cáo: Xét thấy, Bản án số 30/2014/HSST ngày 12/3/2014 của Tòa án nhân dân Quận B xử phạt Phạm Văn P 01 (một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án số 148/2013/HSST ngày 09/12/2013 của Tòa án nhân dân Quận B thì bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 09 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 04/02/2015, bị cáo đã thi hành đối với phần án phí hình sự ngày 23/6/2014, phần án phí dân sự ngày 07/9/2015; Căn cứ Điều 70 của Bộ luật hình sự

năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, để áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo, căn cứ để xác định bị cáo đã được xóa án tích trong lần phạm tội này.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Văn T2 đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, quá trình điều tra không có yêu cầu gì đối với bị cáo, tại phiên tòa vắng mặt nên không xét.

Đối với chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Wave, biển số 49S5 - 9172, số khung: NF110MT0004804, số máy: NF110MTE0004804. Qua xác minh, xe trên do ông Trần Nhất T3 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tháng 4/2004, ông T3 bán xe cho bà Trần Thị Ngọc D, chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 11/7/2017, bị cáo P tự ý lấy xe của bà D sử dụng. Việc P sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản, bà D không biết nên trả lại cho bà D.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2017.

2. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003: Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc D chiếc xe gắn máy hiệu Wave, biển số 49S5 - 9172, số khung NF110MT0004804, số máy NF110MTE0004804.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 06 ngày 12/10/2017).

3. Về án phí: Áp dụng các Điều 98, 99 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003; Luật án phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thuần Phong